

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 26-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền

Bà Trịnh Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đăng Th, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1986, tại Thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Phố Đ, Thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp Lao động tự do; Trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng H và bà Lê Thị K; đã ly hôn vợ và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/12/2007, bị cáo Thùy đã dùng dao đâm Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 ở xã L do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, hậu quả làm anh T tử vong. Ngày 29/5/2008, Viện kiểm sát nhân dân huyện H ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 04/QĐ/VKS-HH đối với bị cáo. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1956 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Q – Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa (Có mặt)

Người bị hại: Anh Trần Văn C, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử mặt)

Địa chỉ: Lô A150 mặt bằng 08, phường N, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 05, H, Phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 9, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Hoàng Ngọc Ch, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

- Anh Hán Quang S, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Phố Đ, Thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h00 ngày 31/8/2019, anh Trần Văn C cùng các anh Hoàng Mạnh H, anh Nguyễn Trường S và anh Nguyễn Văn C2 đến quán Công Bằng của ông Hoàng Ngọc Ch ở phố Đ, Thị trấn B ăn lẩu, uống rượu. Lúc này có Nguyễn Đăng Th (là bạn của anh H) cũng đang ở trong quán nên anh H rủ Th sang bàn của mình cùng uống rượu. Trong quá trình ăn uống có nói chuyện, trao đổi giữa những người cùng ngồi ăn với nhau. Do thấy khó chịu với anh Trần Văn C nên khi ăn uống xong ra khỏi quán đi về, Nguyễn Đăng Th quay lại vòng ra phía sau ghế anh Trần Văn C đang ngồi, Th bất ngờ dùng tay trái cầm nồi nước lẩu đang ăn dở đổ lên đầu anh C làm nước nóng chảy vào đầu, mặt, cổ, vai, gáy hai bên rồi Th ra về còn anh C được mọi người đưa đi sơ cứu, cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

Nhận được tố giác về tội phạm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai, xem xét dấu vết trên thân thể đối với bị hại.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 17h30 ngày 31/8/2019 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa, bị hại Trần Văn C có những thương tích như sau: Vết thương bỏng vùng đầu, mặt, cổ, vai, gáy hai bên, nề đỏ phỏng nước độ 1,2,3 diện tích 10%.

Tại Bản Kết luận pháp y về thương tích số 594/2019/TTPY ngày 08/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của anh Trần Văn C là 33%.

Sau khi gây thương tích cho anh C, chiều tối cùng ngày, bị cáo Th đã đến cơ quan công an đầu thú và trình bày sự việc.

Vật chứng của vụ án: Chiếc nồi lẩu làm bằng INOX, có hai quai cầm ở bên, đường kính nồi khoảng 40 cm chưa thu giữ được. Một phong bì niêm phong USB ghi lại sự việc được lưu trong hồ sơ vụ án và đã được mở niêm phong, xem xét tại phiên tòa.

Về dân sự: Trong thời gian anh Trần Văn C nằm viện, gia đình Th đã đến

thăm hỏi anh C hai lần và bỏ phong bì mỗi lần 2.000.000đ để trong túi hoa quả thăm hỏi. Nay anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là **100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bao gồm:**

- Chi phí về quá trình điều trị thương tích có hóa đơn:	26.231.134đ
Bao gồm:	
+ Ngày 31/8/2019 nhà thuốc C:	115.000đ
+ Ngày 01/9/2019 nhà thuốc số 01/NT10000264413:	836.000đ
+ Ngày 01/9/2019 nhà thuốc số 01/NT10000264406:	1.904.500đ
+ Ngày 01/9/2019 nhà thuốc P:	670.000đ
+ Ngày 02/9/2019 nhà thuốc số 01/NT10000264537:	1.886.000đ
+ Ngày 03/9/2019 nhà thuốc T:	400.000đ
+ Ngày 05/9/2019 nhà thuốc số 01/NT10000265053:	1.262.500đ
+ Ngày 07/9/2019 nhà thuốc số 01/NT10000265356:	634.000đ
+ Ngày 09/9/2019 nhà thuốc L:	3.960.000đ
+ Ngày 09/9/2019 Hóa đơn bệnh viện số 0094249:	783.134đ
+ Ngày 11/9/2019 nhà thuốc P:	1.500.000đ
+ Ngày 13/9/2019 nhà thuốc P:	1.040.000đ
+ Ngày 14/9/2019 nhà thuốc P:	300.000đ
+ Ngày 15/9/2019 nhà thuốc Trường Huyền:	400.000đ
+ Ngày 16/9/2019 nhà thuốc P:	80.000đ
+ Ngày 16/9/2019 nhà thuốc P:	600.000đ
+ Ngày 29/9/2019 nhà thuốc L:	5.500.000đ
+ Ngày 30/9/2019 nhà thuốc Trường Huyền:	400.000đ
+ Ngày 08/10/2019 nhà thuốc L:	3.960.000đ
- Chi phí khác không có hóa đơn:	38.642.000đ
Bao gồm:	
+ Tiền mua thuốc theo đơn thuốc ngày 27/9/2019:	642.000đ
+ Tiền mua thuốc gia truyền:	2.000.000đ
+ Sơ cứu tại trạm y tế xã T:	500.000đ
+ Bảo hiểm y tế chi trả tiền nằm viện:	7.000.000đ
+ Công người chăm sóc (30 ngày bệnh):	8.000.000đ
+ Tiền mất thu nhập 01 tháng lương:	12.000.000đ
+ Tiền mua sữa:	2.500.000đ
+ Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe (30 ngày bệnh):	6.000.000đ
- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần:	35.126.866đ
Bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại như khoản sau:	

- **Chấp nhận bồi thường toàn bộ chi phí về quá trình điều trị thương tích có hóa đơn là 26.231.134đ**

- **Chấp nhận bồi thường một phần các chi phí khác không có hóa đơn là 12.200.000đ, bao gồm:**

+ Sơ cứu tại trạm y tế xã T: 500.000đ

+ Công người chăm sóc (10 ngày tại bệnh viện x 270.000đ/ngày): 2.700.000đ

+ Tiền giảm thu nhập 01 tháng không lao động là 25% x 12.000.000đ = 3.000.000đ
(Do bị hại đã được hưởng bảo hiểm xã hội là 75% x 12.000.000đ = 9.000.000đ)

+ Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 6.000.000đ

- **Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại về tiền bồi thường tổn thất tinh thần (bằng 17 tháng lương cơ sở) là: 25.330.000đ**

Tổng số tiền bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại là: **63.761.134đ**

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi **4.000.000đ** gia đình bị cáo đã bỏ phong bì thăm hỏi, hỗ trợ cho bị hại trước đó, số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại là **59.761.134đ**.

Cáo trạng số 22/CTr-VKSHH ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Th về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đăng Th khai nhận toàn bộ hành vi đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đăng Th. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng Th phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án là chiếc USB lưu giữ hình ảnh sự việc không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Bị cáo Th gây thương tích cho anh Trần Văn C với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 33%, phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” đúng như Viện kiểm sát đã truy tố nên luật sư không tranh luận, bào chữa

gì thêm. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội để áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp. Bị cáo và người bị hại trước đó không quen biết, cũng không có mâu thuẫn gì, sự việc xảy ra là do người bị hại trong khi nói chuyện có lời lẽ không đúng mực, nói đi nói lại rằng mình đi tù về không sợ ai làm cho bị cáo bức xúc, vì vậy đã gây thương tích cho bị hại. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có một phần do lỗi của người bị hại, bị cáo đã thực hiện hành vi trong tình trạng tinh thần bị kích động, không kiềm chế được bản thân. Bản thân bị cáo nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, không lường hết được hậu quả nên mới gây thương tích cho bị hại. Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã đến cơ quan công an trình báo và khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Quá trình bị hại điều trị, bị cáo có đến thăm hỏi và người nhà bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 4.000.000đ. Do bị hại và gia đình bị hại cố tình không cho gặp nên việc bị cáo và gia đình không bồi thường được cho bị hại là ngoài mong muốn của bị cáo, điều đó đủ chứng minh bị cáo có ăn năn hối cải về hành vi của mình. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo. Bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, đã ly hôn vợ, bố mẹ lại già yếu, gia đình gặp nhiều khó khăn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể.

Về phần bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là 100.000.000đ, quan điểm của phía bị cáo là chấp nhận bồi thường cho bị hại bao gồm: Toàn bộ các chi phí điều trị thương tích có hóa đơn kèm theo tổng là 26.231.134đ. Đối với phần bồi thường các chi phí khác không có hóa đơn, đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bị hại đã được chi trả và không chấp nhận các khoản yêu cầu bồi thường không có cơ sở bao gồm: Tiền mua thuốc theo đơn thuốc ngày 27/9/2019; Tiền mua sữa là 2.500.000đ. Bị hại chỉ nằm viện 10 ngày, nên chỉ chấp nhận bồi thường tiền công người chăm sóc là 2.700.000đ. Căn cứ tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 33%, phía bị cáo chỉ đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại bằng 17 tháng lương cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi 4.000.000đ gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại được trước đó.

Về án phí: Đề nghị bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi: Chi vì khó chịu với câu chuyện của anh Trần Văn C trong khi uống rượu mà bị cáo Th đã tự cho mình cái quyền được xử lý người khác bằng hành vi bất ngờ đổ nồi nước lẩu đang sôi lên đầu anh C, thể hiện rõ sự coi thường pháp luật, sự côn đồ của bị cáo trong hành động, gây cho anh C bị bỏng ở vùng đầu, mặt, cổ, vai gáy hai bên, nề đỏ phỏng nước với tổng thương tích là 33 % sức khỏe. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sức khỏe của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, lên một mức án **tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.**

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Ngày 25/12/2007, bị cáo Th đã dùng dao đâm anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 ở xã L do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, hậu quả làm anh T tử vong. Ngày 29/5/2008, Viện kiểm sát nhân dân huyện H ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Tính chất côn đồ trong thực hiện hành vi của bị cáo là yếu tố định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình anh C điều trị tại bệnh viện, gia đình bị cáo có đến thăm hỏi và bỏ phong bì kèm theo quà hỏi thăm hai lần mỗi lần 2.000.000đ, tổng là 4.000.000đ. Tuy nhiên, hành động này của gia đình bị cáo không xuất phát từ ý chí chủ quan của bị cáo, đồng thời số tiền này là quá nhỏ so với thiệt hại mà bị cáo phải chịu vì vậy không thỏa mãn yếu tố người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Luật sư cho rằng nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có một phần do lỗi của người bị hại ăn nói không đúng mực, bị cáo đã thực hiện hành vi trong tình trạng tinh thần bị kích động, không kiềm chế được bản thân là không có căn cứ, không phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú và trình bày sự việc nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét

xử xét thấy cần giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại là 100.000.000đ, bao gồm:

- Chi phí về quá trình điều trị thương tích có hóa đơn: 26.231.134đ
- Chi phí khác không có hóa đơn: 38.642.000đ
- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 35.126.866đ

Bị cáo chấp nhận bồi thường cho người bị hại các khoản sau:

- Toàn bộ chi phí về quá trình điều trị thương tích có hóa đơn: 26.231.134đ
- Các chi phí khác không có hóa đơn: 12.200.000đ

(Bao gồm: Sơ cứu tại trạm y tế xã T: 500.000đ; Công người chăm sóc (10 ngày tại bệnh viện): 2.700.000đ; Tiền giảm thu nhập 01 tháng không lao động: 3.000.000đ; Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 6.000.000đ)

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần (bằng 17 tháng lương cơ sở) = 25.330.000đ
- Tổng số tiền bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại là: **63.743.134đ**

Xét thấy, phần yêu cầu bồi thường của bị hại được bị cáo chấp nhận (gồm toàn bộ chi phí về quá trình điều trị thương tích có hóa đơn 26.231.134đ; tiền sơ cứu ban đầu 500.000đ; tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 6.000.000đ), đã đạt được sự thống nhất của hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường và không xét.

Phần bị hại yêu cầu bồi thường, bị cáo không chấp nhận gồm: Tiền mua thuốc theo đơn ngày 27/9/2019: 642.000đ (không có hóa đơn); Tiền mua thuốc gia truyền 2.000.000đ; tiền Bảo hiểm y tế chi trả nằm viện 7.000.000; Tiền mua sữa 2.500.000đ. Nhận thấy yêu cầu bồi thường này của bị hại không có căn cứ nên không chấp nhận.

Những yêu cầu bồi thường bị cáo chấp nhận một phần gồm:

+ Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường công người chăm sóc 30 ngày là 8.000.000đ bằng 267.000đ/ngày, bị cáo chấp nhận bồi thường công người chăm sóc cho bị hại trong 10 ngày điều trị tại bệnh viện là 2.700.000đ. Xét thời gian bị hại nằm viện điều trị là 10 ngày, cần người chăm sóc thực tế, sau khi ra viện, bị hại được chỉ định không lao động chứ không chỉ định cần người chăm sóc, bị cáo đề nghị bồi thường công người chăm sóc cho bị hại 10 ngày = 2.700.000đ ngày là phù hợp nên cần chấp nhận.

+ Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập trong 01 tháng điều trị không lao động là 12.000.000đ, bị cáo cho rằng bị hại đã được hưởng 75% bảo hiểm xã hội trong thời gian điều trị và nghỉ dưỡng nên chỉ chấp nhận bồi thường phần thu nhập bị giảm sút là 25% lương = 3.000.000đ. Xét thu nhập hàng tháng của anh C là **11.760.000đ**, thời gian anh C nghỉ việc được hưởng bảo hiểm xã hội là một

tháng = 75% x 11.760.000đ = 8.820.000đ, anh C bị giảm sút thu nhập là 2.940.000đ. Bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường phần giảm sút thu nhập 3.000.000đ cho anh C là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho mình là 35.126.866đ, bị cáo chấp nhận mức bồi thường bằng 17 tháng lương cơ bản = 17 tháng x 1.490.000đ = 25.330.000đ. Việc bị cáo gây thương tích, làm hỏng phần mặt, cổ, vai gáy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của anh C, nên bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho anh C. Mức bồi thường tối đa cho tổn thất tinh thần khi bị thiệt hại về sức khỏe là 50 tháng lương tối thiểu. Xét thương tích bị cáo đã gây cho anh C là 33% sức khỏe, bị cáo đề nghị bồi thường bằng 17 tháng lương cơ sở = 25.330.000đ là phù hợp với tổn thất thực tế anh C phải chịu nên cần chấp nhận.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại - anh Trần Văn C là 63.743.134đ, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi số tiền 4.000.000đ mà gia đình bị cáo đã thăm hỏi và gửi anh C trước đó, số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho anh C là 59.743.000đ là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 USB ghi lại nội dung sự việc hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 30, Khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng Th phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Th 06 (Sáu) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/11/2019).

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn C là 59.743.134đ (Năm chín triệu bảy trăm bốn ba nghìn một trăm ba tư đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại – anh Trần Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 USB ghi lại nội dung sự việc hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa, bị cáo Nguyễn Đăng Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 2.987.000đ (Hai triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhân:

- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo;
- Người bào chữa
- Người bị hại
- UBND Thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Vân